

Số: 515 /TB-YDHP

Hải Phòng, ngày 24 tháng 6 năm 2024

### THÔNG BÁO

Bổ sung (lần 3) về việc tuyển sinh Chuyên khoa cấp II, Chuyên khoa cấp I  
Bác sĩ nội trú năm 2024 – Đợt 1

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông báo bổ sung (lần 3) tuyển sinh Sau đại học trình độ đào tạo Chuyên khoa cấp II, Chuyên khoa cấp I, Bác sĩ nội trú năm 2024 - đợt 1 như sau:

#### 1. Hình thức và thời gian đào tạo, chuyên ngành, chỉ tiêu tuyển sinh

##### 1.1. Hình thức, thời gian đào tạo:

Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

Thời gian đào tạo: Tập trung 2 năm đối với trình độ Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II; tập trung 3 năm đối với trình độ Bác sĩ nội trú.

##### 1.2. Chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Chỉ tiêu năm 2024-đợt 1
<b>I</b>	<b>Chuyên khoa cấp II</b>	
1.	Nội hô hấp	06
2.	Nội chung	21
3.	Nội tim mạch	04
4.	Sản phụ khoa	18
5.	Ngoại CTCH	04
6.	Ngoại tiêu hoá	06
7.	Ngoại chung	13
8.	QLYT	27
9.	Nhi chung	13
10.	Răng Hàm Mặt	09
11.	Tâm thần	03
12.	Y học cổ truyền	11
	<b>Tổng</b>	<b>135</b>
<b>II</b>	<b>Chuyên khoa cấp I</b>	
1.	Nội khoa	58
2.	Ngoại khoa	33
3.	Sản phụ khoa	11

4.	Nhi khoa	21
5.	Nhân khoa	6
6.	Tai Mũi Họng	12
7.	Hoá sinh	10
8.	Răng Hàm Mặt	66
9.	Chẩn đoán hình ảnh	23
10.	Y học gia đình	10
11.	Y tế công cộng	18
12.	Ung thư	17
13.	Tâm thần	20
14.	Xét nghiệm y học	41
15.	Gây mê hồi sức	22
16.	Dược lý và DLS	27
17.	Điều dưỡng	155
18.	Y học dự phòng	23
19.	Y học cổ truyền	17
	<b>Tổng</b>	<b>590</b>
<b>III</b>	<b>Bác sĩ nội trú</b>	
1	Nội khoa	17
2	Ngoại khoa	30
3	Sản phụ khoa	04
4	Nhi khoa	20
5	Răng Hàm Mặt	04
	<b>Tổng</b>	<b>75</b>
	<b>Tổng chung</b>	<b>800</b>

## 2. Điều kiện dự thi và các môn thi tuyển

### 2.1. Chuyên khoa cấp II

#### 2.1.1. Điều kiện dự thi

##### a) Văn bằng

Thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I/BSNT hoặc bằng thạc sĩ đăng ký dự thi đúng với ngành/chuyên ngành đã được đào tạo ở trình độ chuyên khoa I/BSNT hoặc thạc sĩ hoặc đăng ký dự thi theo nguyên tắc chuyên ngành hẹp (sâu) của ngành tương ứng với ngành đã được đào tạo ở trình độ chuyên khoa I/BSNT hoặc thạc sĩ.

Đối với thí sinh dự thi chuyên khoa II QLYT thì cần thêm chứng chỉ bổ sung kiến thức YTCC (trong trường hợp văn bằng chuyên khoa I/BSNT/Thạc sĩ không thuộc ngành YHDP, YTCC, QLYT)

Đối với thí sinh dự thi chuyên khoa II QLYT thì cần thêm chứng chỉ bổ sung kiến thức YTCC (trọng trường hợp văn bằng chuyên khoa I/BSNT/Thạc sĩ không thuộc ngành YHDP, YTCC, QLYT)

*b) Yêu cầu về thâm niên*

Sau khi tốt nghiệp chuyên khoa I/BSNT hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sĩ (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ) và có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề).

**2.1.2. Môn thi tuyển**

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn 1	Môn 2
1.	Nội chung	Nội	Ngoại ngữ
2.	Nội hô hấp	Nội	Ngoại ngữ
3.	Nội Tim mạch	Nội	Ngoại ngữ
4.	Ngoại chung	Ngoại	Ngoại ngữ
5.	Ngoại Tiêu hoá	Ngoại	Ngoại ngữ
6.	Ngoại CTCH	Ngoại	Ngoại ngữ
7.	Nhi chung	Nhi	Ngoại ngữ
8.	Sản Phụ khoa	Sản PK	Ngoại ngữ
9.	Quản lý Y tế	Dịch tễ-TCQLYT	Ngoại ngữ
10.	Tâm thần	Tâm thần	Ngoại ngữ
11.	Y học cổ truyền	YHCT	Ngoại ngữ
12.	Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt	Ngoại ngữ

Môn thi 2 (Ngoại ngữ): Thí sinh thi 1 trong 2 thứ tiếng (Anh, Pháp) ở trình độ B. Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được miễn thi môn này (Thông tư số 01/2014/BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo Dục & Đào tạo).

**2.2. Chuyên khoa cấp I**

**2.2.1. Điều kiện dự thi**

*a) Văn bằng*

- Thí sinh có bằng đại học thuộc ngành học tương ứng với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Đối với bác sĩ y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn là được khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng được đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học gia đình.

*b) Yêu cầu về thâm niên*

- Có chứng chỉ hành nghề phù hợp chuyên ngành dự thi (đối với các lĩnh vực cần có chứng chỉ hành nghề)

- Trường hợp thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành khác phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề (Không áp dụng cho các bác sĩ Răng Hàm Mặt, Y Học Cổ Truyền, Y Học Dự Phòng, Điều Dưỡng, Dược) thì phải có xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi công tác tại chuyên ngành đăng ký dự thi sau ngày 01/01/2012.

2.2.2. Môn thi tuyển

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn cơ sở	Môn chuyên ngành
1.	Nội khoa	Sinh lý	Nội khoa
2.	Nhi khoa	Sinh lý	Nhi khoa
3.	Y học cổ truyền	Sinh lý	Y học cổ truyền
4.	Y học gia đình	Sinh lý	Y học gia đình
5.	Gây mê hồi sức	Sinh lý	Gây mê hồi sức
6.	Tâm thần	Sinh lý	Tâm thần
7.	Xét nghiệm y học	Sinh lý	Xét nghiệm y học
8.	Lao	Sinh lý	Lao
9.	Hoá sinh	Sinh lý	Hoá sinh
10.	Ngoại khoa	Giải phẫu	Ngoại khoa
11.	Ung thư	Giải phẫu	Ung thư
12.	Sản phụ khoa	Giải phẫu	Sản phụ khoa
13.	Nhãn khoa	Giải phẫu	Mắt

14.	Tai Mũi Họng	Giải phẫu	Tai Mũi Họng
15.	Răng Hàm Mặt	Giải phẫu	Răng Hàm Mặt
16.	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
17.	Điều dưỡng	Giải phẫu	Điều dưỡng
18.	Y tế công cộng	Dịch tễ học	Tổ chức Quản lý y tế
19.	Y học Dự phòng	Dịch tễ học	Y học dự phòng
20.	Dược lý và dược lâm sàng	Dược động học	Dược lý

### 2.3. Bác sĩ nội trú

#### 2.3.1. Điều kiện dự thi

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành tương ứng với chuyên ngành dự thi, hệ chính quy, năm 2024 và đạt loại khá trở lên. Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

#### 2.3.2. Môn thi tuyển

TT	Tên ngành	Môn thi			
		Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4
1.	Nội khoa	Ngoại ngữ	Nội dung đề thi môn 2 gồm 4 môn ( Sinh lý, Giải phẫu, Hoá sinh, Dinh học-Di truyền)	Nội	Nhi
2.	Ngoại khoa	Ngoại ngữ		Ngoại	Sản
3.	Sản phụ khoa	Ngoại ngữ		Sản	Ngoại
4.	Nhi khoa	Ngoại ngữ		Nhi	Nội
5.	Răng Hàm Mặt	Ngoại ngữ		Nha khoa	Phẫu thuật miệng hàm mặt

Môn thi 1 (Ngoại ngữ): Thí sinh thi 1 trong 2 thứ tiếng (Anh, Pháp) ở trình độ B. Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được miễn thi môn này (Thông tư số 01/2014/BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo Dục & Đào tạo).

2.3.3. Đăng ký nguyện vọng 2: Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành chính (chuyên ngành 1), nếu không đủ điểm trúng tuyển được phép đăng ký chuyển sang nguyện vọng 2 theo hệ Nội khoa- Nhi khoa; hoặc hệ Ngoại khoa- Sản phụ khoa với điều kiện điểm chuyên ngành 2 đạt từ 7 điểm trở lên.

### 3. Đối tượng và chính sách ưu tiên

#### 3.1. Đối tượng ưu tiên

Mục	Nội dung chính sách ưu tiên	Xét ưu tiên		Minh chứng pháp lý
		CKI	CKII	
1.	Thí sinh có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.	x	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;</li> <li>▪ Bản sao công chứng các quyết định tuyển dụng, quyết định tiếp nhận công tác, quyết định phân công công tác hoặc hợp đồng lao động (sau tốt nghiệp Đại học/Sau đại học);</li> </ul>
2.	Thí sinh là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền.</li> <li>▪ Bản sao công chứng thẻ chính sách thương binh.</li> </ul>
3.	Thí sinh là con liệt sĩ.	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền</li> <li>▪ Bản sao công chứng xác nhận gia đình liệt sĩ.</li> </ul>
4.	Thí sinh là Anh hùng lực lượng vũ trang (LLVT), anh hùng lao động.	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền.</li> <li>▪ Bản sao công chứng xác nhận là Anh hùng LLVT, Anh hùng lao động.</li> </ul>
5.	Thí sinh là người dân tộc thiểu số hiện đang thường trú, sinh sống 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định tại mục (1) trong bảng này.	x	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thường trú tại địa phương.</li> <li>▪ Bản sao công chứng hộ khẩu thường trú (trong thời hạn 6 tháng).</li> </ul>

6.	Thí sinh là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập.</li> <li>▪ Bản sao công chứng chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.</li> </ul>
----	--	---	---

### 3.2. Chính sách ưu tiên

TT	Xét ưu tiên	Cộng điểm ưu tiên vào tổng điểm trúng tuyển
1	Chuyên khoa cấp II*	Miễn ngoại ngữ đầu vào
2	Chuyên khoa cấp I	1đ

Thí sinh thuộc diện chính sách ưu tiên mục 1 hoặc mục 5 được xét miễn ngoại ngữ đầu vào, nếu trúng tuyển phải đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra là bậc 3 trong khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc thi qua môn ngoại ngữ với đề thi đạt trình độ bậc 3 và có phần kiến thức chuyên ngành trước khi tốt nghiệp.

Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng. Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 1 điểm (thang điểm 10) vào tổng điểm thi. Người dự tuyển chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên. Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung sau khi hết thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển.

#### 4. Hồ sơ dự thi tuyển

##### 4.1. Hồ sơ dự tuyển chuyên khoa cấp II

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
1	Đơn xin dự thi (Mẫu 1)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của người chịu trách nhiệm hộ cá thể	Không cần xác nhận
2	Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang (Mẫu 2)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú
3	Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh, đóng dấu) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	X	X	X	X
4	Hai bì thư, 06 ảnh cỡ 4x6 cm. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.	X	X	X	X
5	Bản sao công chứng văn bằng sau đại học. Thí sinh tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài thì văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ ngành/ chuyên	X	X	X	X



	ngành đào tạo. Bản sao công chứng Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối YTCC với thí sinh dự thi chuyên ngành CKII QLYT.				
6	Bản sao công chứng Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề).	X	X	X	X
7	Bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức/công chức. Danh sách làm việc đăng kí tại Sở y tế	X	X		
8	Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu 3)	X	X	X	
9	Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển có xác nhận của UBND Phường/Xã nơi cư trú (Mẫu 4)				X
10	Minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có) (Mẫu 5)	X	X	X	X
11	02 bản sao công chứng Văn bằng và bảng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định (nếu có)	X	X	X	X

#### 4.2. Hồ sơ dự tuyển chuyên khoa cấp I

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
1	Đơn xin dự thi (Mẫu 1)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của người chịu trách nhiệm hộ cá thể	Không cần xác nhận
2	Sơ yếu lí lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự (thí sinh tự do có xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú
3	Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh, đóng dấu) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (Mẫu 2)	X	X	X	X
4	Hai bì thư, 06 ảnh cỡ 4x6 cm. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.	X	X	X	X
5	Bản sao công chứng văn bằng đại học. Thí sinh tốt nghiệp đại học ở nước ngoài thì văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ ngành/ chuyên ngành đào tạo.	X	X	X	X
6	Bản sao công chứng Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	X	X	X	X

7	Minh chứng thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng làm việc trong lĩnh vực đăng kí dự thi đối với các thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành khác phạm vi hoạt động chuyên môn: Bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng.	X	X	X	X
8	Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu 4)	X	X		
9	Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển có xác nhận của UBND Phường/Xã nơi cư trú (Mẫu 5)				X
10	Minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có) (Mẫu 5)	X	X	X	X

### 4.3. Hồ sơ dự tuyển Bác sĩ nội trú

STT	Hồ sơ	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế công lập	Thí sinh công tác tại cơ sở y tế tư nhân		Thí sinh tự do
			Cơ sở y tế tư nhân có giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh	Hộ cá thể	
1	Đơn xin dự thi (Mẫu 1)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của người chịu trách nhiệm hộ cá thể	Không cần xác nhận
2	Sơ yếu lí lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự (thí sinh tự do có xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú	xác nhận của UBND Phường/xã nơi cư trú
3	Giấy chứng nhận sức khỏe (có dán ảnh, đóng dấu) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (Mẫu 2)	X	X	X	X
4	Hai bì thư, 06 ảnh cỡ 4x6 cm. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chi ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.	X	X	X	X
5	Bản sao công chứng văn bằng đại học. Thí sinh tốt nghiệp đại học ở nước ngoài thì văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ ngành/ chuyên ngành đào tạo.	X	X	X	X
6	Bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng.	X	X	X	

7	Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu 4)	X	X		X
8	Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển có xác nhận của UBND Phường/Xã nơi cư trú (Mẫu 5)				X

**Ghi chú:** Tất cả giấy tờ được đánh số (góc trên bên phải của trang đầu), xếp theo thứ tự như trên và đựng trong túi hồ sơ. Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận trong làm hồ sơ sẽ không được dự thi, nếu đã dự thi mà bị phát hiện khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả. Các trường hợp vi phạm sẽ bị lập biên bản và gửi cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.



## 5. Kinh phí dự tuyển:

Lệ phí đăng ký hồ sơ dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ;

Lệ phí dự tuyển: 120.000đ/môn thi;

Hồ sơ và kinh phí dự tuyển không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ thi.

## 6. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ và thi tuyển

Nhận hồ sơ trong giờ hành chính, tại phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học (phòng 301, nhà A) Trường Đại học Y Dược Hải Phòng số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Học viên nộp hồ sơ tại phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, nộp lệ phí dự tuyển tại phòng Tài chính kế toán. Phòng Quản lý ĐT Sau Đại học tiếp nhận hồ sơ thí sinh có nguyện vọng đăng ký dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh xem xét, phê duyệt thí sinh đủ điều kiện dự thi theo quy định và thông báo cho thí sinh.

Thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển đến hết ngày: 28/6/2024.

Thời gian Hội đồng tuyển sinh xét duyệt hồ sơ đủ điều kiện/không đủ điều kiện dự thi: 03/7/2024 – 05/7/2024

Dự kiến thí sinh tập trung ôn thi tại trường: 01/07/2024 – 20/07/2024

Dự kiến thời gian thi tuyển vào 22-27/7/2024

## 7. Thời gian công bố kết quả và nhập học

Dự kiến công bố kết quả thi tuyển ngày 29/7/2024

Dự kiến nhận đơn phúc khảo từ ngày 29/7/2024 – 02/8/2024

Dự kiến công bố kết quả trúng tuyển ngày 02/8/2024

Dự kiến nhập học ngày 09/8/2024

Thông tin chi tiết trong quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển, thí sinh vui lòng xem tại website: [www.hpmu.edu.vn](http://www.hpmu.edu.vn) hoặc Điện thoại: 02253.735.968.

Đề nghị các cơ sở đào tạo, các cơ sở y tế tiếp nhận thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho những người đủ điều kiện, có nguyện vọng dự thi kịp thời hoàn thành hồ sơ và nộp hồ sơ đúng thời hạn. Trân trọng./.

### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (đề b/c);
- Hiệu trưởng (đề b/c);
- Các trường Đại học, CĐ & TC Y Dược;
- Các cơ sở y tế;
- Lưu QLĐTSDH, VT.



HIỆU TRƯỞNG  
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải